

## Lange Vokale: Âm dài

đọc là aa, êê, ôô, uu, ee, ii/ theo IPA [a:], [e:], [o:], [u:], [ɛ:], [i:]

### 1-nguyên âm đôi:

aa: Aal, Aas, Haar, paar, Paar, Saal, Saat, Staat, Waage  
ee: Beere [bê-rà], Beet [bêét], Fee, Klee, scheel, Schnee, See, Speer, Tee, Teer  
từ ngoại quốc: Arme<sup>e</sup>, Idee, Kaffee, Klischee, Tournee, Varietee  
oo: Boot [bôót], Moor [môơ], Moos, Zoo [txôô]

### 2-nguyên âm đứng trước 'môt' phụ âm đơn:

Wagen [vaa-gân], Rede [rêê-đà], lesen [lêê-zân], malen [maa-lân], leben [lêê-bân],  
Schere [shêê-rà], Not [nôót], Schule [shuu-lâ], kam [caam], Flug [phlú-kh].....

### 3-nguyên âm được kéo dài bởi -e- trong -ie-

– Stiel [shtiil], empfiehlt [emphiil-th], bieten [bii-tân]

### 4-nguyên âm được kéo dài bởi

#### Dehnungs-h (h kéo dài)

ah: Dahlie [đaa-li-ờ], lahm [laam], ahnen [aa-nân], Bahre [baa-rà]  
eh: Befehl, benehmen, ablehnen, begehren, Lehrer [lêê-rơ], dehnen [đêê-nân]  
oh: hohl, Sohn [zôn], bohren [bôê-rân], Sohle [zôê-lâ], Mohr [môơơ]  
uh: Pfuhl, Ruhm, Huhn, Uhr  
äh: ähneln, Ähre, wähenen,  
öh: Höhle, stöhnen, Möhre  
üh: fühlen, Bühne, führen

#### Dehnungs-i chỉ còn lại trong tên làng mạc

Broich, đọc Brooch – không phải Broich

#### Dehnungs-e chỉ còn lại trong tên làng mạc

Soest, đọc Soost – không phải Söst  
Itzehoe, đọc It-xâ-hôô

#### Dehnungs-w chỉ còn lại trong tên làng mạc

Teltow, đọc Teltoo

### 5-Nguyên âm đứng trước -ß (ß được sử dụng như -s không phải -ss)

Gruß, grüßt, Fuß, Straße

## Kurze Vokale: Âm ngắn

đọc là ă, ê, o, u, e, i/ theo IPA [a], [e], [ɔ], [ʊ], [ɛ], [ɪ]

### 1-Nguyên âm đứng trước phụ âm đôi:

bb, dd, ff, ll, mm, nn, pp, rr, ss, tt  
Ebbe [ebà], Pudding, schlaff, Karaffe, Egge [egà]  
finanziell, Kontrolle, schlimm, immer [imơ]  
denn [đen], wann [văn], gönnen, Kamm [căm]  
Galopp, üppig, starr, knurren,  
statt, Hütte, Manschette, Bett [bét], nett [nét], Mann [măn], Herr [heơ]  
Hass, dass, bisschen, wessen, Prämisse  
Fluss, hässlich, nass, Nässe  
(âm ngắn không được viết bằng -ß- mà phải viết -ss-)

### 2-Nguyên âm đứng trước phụ âm đôi đặc biệt:

-ck- (thay vì -kk-) và -tz- (thay vì -zz-)  
Acker, locken, Reck;  
Katze, Matratze, Schutz, Schnitzel  
ngoại lệ: ngoại từ được đọc dài:  
Mokka, Sakko; Pizza, Razzia, Skizze

### 3- Nguyên âm đứng trước hai phụ âm khác nhau:

Hemd – Hemden, Stups – stupsen, Nest – Nestr  
Anker, sinken, trinken  
Werk, Münze, Kranz, Tanz  
Salz, Schmalz, Pilz, Filz, Zelt  
Schmerz, Zorn, Test, Fest, Kampf

### 4-một số từ có chức năng trong văn phạm: (mặc dầu chỉ đứng trước một phụ âm đơn)

ab, an, dran, bis, das, des, in, drin, man, mit, ob, plus, um, was, wes  
(dann, denn, wann, wenn; dass theo luật 1-)

### 5-Ngoại từ mặc dầu chỉ đứng trước một phụ âm (gốc anh ngữ):

Bus, Chip, fit, Gag, Grog, Job, Kap,  
Klub, Mob, Pop, Slip, top, Twen, Chat

## Diphthong: Nhị trùng âm

khi hai nguyên âm khác nhau được ghép để có âm mới:

au [au] „Haus“

ei, ai, ey, ay [ai] „Leim“, „Mais“, „Meyer“

eu, äu [oi] „Heu“, „Läufer“

ui [ui] „Pfu!“

Âm **-r-** tận cùng (đọc là ơ hay a) biến nhiều âm thường thành nhị trùng âm:

ir/ier (**ia**), ur (**ua**), ür (**uya**), er/eer/ehr (**êơ**), är/ähr (**eo**), or/oor/ohr (**ôơ**)

[ia] („wir“, „Bier“), [uya] („für“, „rührt“), [ua] („nur“, „Uhr“)

[êơ] („Meer“), [eo] („Bär“), [oa] („Öhr“, „Frisör“) und [ôơ] („Ohr“).

<http://de.wiktionary.org/wiki/Hass>

## Sự nhấn mạnh các từ tiếng Đức

Nguyên âm của vần nhấn mạnh sẽ được đánh dấu bằng

- dấu nặng để nhấn mạnh âm ngắn

- dấu gạch đứt để nhấn mạnh âm dài.

- nhị trùng âm như au, ai, ay, äu, ei, eu.. được gạch đứt.

Những từ ghép sẽ được nhấn riêng bằng dấu sắc khi có nhiều vần cần nhấn mạnh.

### 1. Từ gốc (từ không có đầu tố/tiếp đầu ngữ hay vĩ tố/tiếp vĩ ngữ)

Từ gốc luôn được nhấn mạnh ở vần đầu

• die Lampe; der Vater, nehmen, sah, von, sauber.....

Sự biến dạng (sự biến cách/chia động từ/so sánh) không chi phối sự nhấn mạnh của từ.

• die Lampen, die Väter, genommen, sahen, sauberer.....

### 2. Từ chuyển hóa (từ đã ghép với đầu tố hay vĩ tố)

- vần nhấn mạnh vẫn không thay đổi (nhấn như từ gốc), nếu đầu tố hay vĩ tố là những yếu tố không nhấn

(ví dụ: be-, emp-, er, ge-, ver-, zer-, -ig, -bar, -lich, -keit, -heit, -ung...).

• bezahlen, das Gebirge, die Vergabe, die Klararrheit, peinlich ...

- vần nhấn sẽ thay đổi nếu đầu tố là một yếu tố tách rời. Đầu tố tách rời là vần sẽ được nhấn mạnh (ví dụ:

ab-, an-, auf-, aus-, ein-, zu-, weg-...)

• die Ankunft, die Einnahme, der Zugang, fernsehen, annehmen, weggegangen.....

### 3. Từ ghép

Nếu một từ được ghép bằng hai từ gốc thì từ bên trái sẽ bị nhấn mạnh:

• die Haustür, das Schlafzimmer, hellgrün, dunkelbraun.

ngoại lệ: nếu từ đầu tiên là Jahr thì vẫn nhấn sẽ là từ sau (das Jahrhundert, das Jahrtausend, das Jahrzehnt)

Nếu một từ ghép được tạo bằng ba từ gốc thì tùy theo sự cấu tạo của từ ghép đó ta sẽ có những cách nhấn vẫn như sau: (ví dụ: Schlafzimmer|tür, Frost|schutzmittel)

1. vẫn thứ nhất của từ bên trái mang âm nhấn mạnh chính

2. và vẫn thứ nhất của từ cuối mang vẫn nhấn mạnh phụ:

' <u>S</u> chlafzimmer +	tür	' <u>F</u> rost +	schutzmittel
trái	phải	trái	phải
Schlaf + Zimmer	Tür	Frost	Schutz + Mittel
trái 1	phải 1	trái 1	phải 1

### 4. Từ viết tắt và từ rút ngắn

Từ viết tắt luôn luôn được nhấn mạnh ở mẫu tự cuối: ARD ZDF BMW USA NRW ICE

Từ ghép do một mẫu tự và một từ gốc thì mẫu tự sẽ mang vẫn nhấn: U-Bahn, O-Bein, D-Zug

Từ rút ngắn thường được nhấn mạnh ở vẫn đầu: das Auto, das Foto, die Mathe

### 5. Một số âm đặc biệt được nhấn mạnh

Một số vĩ tố giống cái được nhấn mạnh: -ei, -ik, -ur, -ismus, -ion, -tät

• Bäckerei, Konditoreei, Musik, Physik, Natur, Buddhismus, Nation, Universität

Vẫn -ier trong những động từ tận cùng -ieren: studieren, formiert